TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 392/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 12 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mầm

2. Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng M - Sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau

2. *Bị đơn:* Chị Trần Mỹ N - Sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Hoàng M (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Mỹ N thành hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi về kinh tế và đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Gia đình hai bên đã tổ chức hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh xác định không có.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Mỹ N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của anh M nhưng chị N không có ý kiến. Tòa án thông báo để chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Trần Mỹ N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh M và chị N thành hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với chị N, với những nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi về kinh tế và đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chị N không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của anh M, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho chị. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh M và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của anh M cho anh M được ly hôn với chị N là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh M xác định không có và chị N cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả*: Anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị N cũng không có ý kiến về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng M.

[1] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Hoàng M được ly hôn với chị Trần Mỹ N.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003880 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Hoàng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của chị Trần Mỹ N là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Trúc Hằng